

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2018.
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng.

2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Y, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị S, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà S có tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 19 tháng 10 năm 1992. Ông và bà S chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và bất đồng về kinh tế gia đình. Ngoài ra, bà S thường hay ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, hiện tại cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nữa, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng ông ly thân từ tháng 06-2017 đến

nay vẫn không có biện pháp khắc phục hàn gắn gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị S.

Về con chung: Ông và bà S có một con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1997, hiện cháu T đang sống chung với bà S, cháu đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Y chung sống với nhau vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 19 tháng 10 năm 1992. Bà và ông Y chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Ngoài ra, ông Y có quen biết với người phụ nữ khác ở bên ngoài nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 6-2017 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai cũng không có biện pháp khắc phục, hàn gắn gia đình. Nhưng nay bà vẫn còn tình cảm với ông Y nên bà yêu cầu được đoàn tụ, bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và Ông Y có một con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1997, hiện cháu T đang sống chung với bà, cháu đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y, cho ông Y được ly hôn với bà S. Về con chung: Có một con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1997 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Ông Y, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Ông Y, bà S trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm ông Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Y và bà S trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 19 tháng 10 năm 1992, nên hôn nhân của Ông Y, bà S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo ông Y mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng chung sống không hợp nhau, bất đồng về kinh tế gia đình, bà S thường hay ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, hiện tại cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, không quan tâm lẫn nhau. Tại bản tự khai ngày 28-12-2017 và biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 01 năm 2018 bà S thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và ông Y có quen biết với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Quá trình xác minh cho thấy, việc ông Y và bà S thường xuyên gây gổ nhau và có lần ông Y còn đánh bà S là có, hiện tại cả hai ông bà đã sống ly thân từ tháng 6-2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y, cho ông Y được ly hôn với bà S là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn Y và bà Phạm Thị S có 01 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1997. Ông Y, bà S thống nhất cháu T đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Văn Y và bà Phạm Thị S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Văn Y và bà Phạm Thị S trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn Y với bà Phạm Thị S.

Ông Lê Văn Y được ly hôn với bà Phạm Thị S.

2. Về con chung: Ghi nhận ông Lê Văn Y và bà Phạm Thị S có 01 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1997, con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông bà thống nhất không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Văn Y và bà Phạm Thị S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Lê Văn Y và bà Phạm Thị S trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Ông Lê Văn Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Y đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0021187 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Ông Y đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Bà Phạm Thị S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Y, bà S có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- UBND xã L, huyện B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân